

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 83/2018/HS-ST
Ngày 24 - 9 - 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Hoàng Đắc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Văn Công Trọn

Bà Nguyễn Thị Diệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Nga Muội là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời tham gia phiên tòa: Bà Vũ Ánh Tuyết - Kiểm sát viên

Trong ngày 24 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau, Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 77/2018/HSST ngày 08 tháng 8 năm 2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trương Bé N** - sinh năm 1973 (có mặt)

Tên gọi khác: N Cao; Thường trú: ấp C, xã KH, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau; chỗ ở hiện nay: ấp C, xã PD, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Bá L và bà Phạm Thị Đ; vợ: Trần Thị T; con: 01 người (22 tuổi); tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ ngày 19-4-2018 đến ngày 21-4-2018 được trả tự do. Bị bắt tạm giam ngày 24-4-2018 đến ngày 14-8-2018 cho bảo lãnh tại ngoại đến nay.

- Bị hại: Trần Văn M – sinh năm 1984 (vắng mặt)

Trú tại: ấp HP, xã DM, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Liên Văn B – sinh năm 1976 (vắng mặt)

2. Liên Văn Đ – sinh năm 1978 (có mặt)

3. Liên Văn L – sinh năm 1988 (có mặt)

4. Nguyễn Minh Đ – sinh năm 1984 (có mặt)

Cùng trú tại: khóm 6A, thị trấn Sông Đốc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà

Mau

5. Trương Văn T – sinh năm 1970 (vắng mặt)

Trú tại: khóm X, thị trấn S, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17giờ ngày 31 tháng 5 năm 2017, Trần Văn M cùng Lê Hoàng Đ, Nguyễn Văn K, Nguyễn Thái N, Nguyễn Thái N, Trần Văn T, Trần Văn Tr, Trương Cao K, mỗi người điều khiển một vỏ máy đi đến ấp KH, xã KBT, huyện Trần Văn Thời để cào sò. Khoảng 8 giờ sáng ngày 01 tháng 6 năm 2017, M cùng K, Đ, Nh, Ng, T, Tr, K chạy vỏ đến gần Miếu Bà, thuộc khóm X, thị trấn S, huyện Trần Văn Thời để sà lọc tạp chất lấy sò huyết giống. M sà được khoảng 10kg sò giống loại 40-50 vạn con/1kg.

Lúc này, Trương Bé N cùng Liên Văn B, Liên Văn Đ, Liên Văn L, Nguyễn Minh Đ và Trương Văn T điều khiển vỏ máy đến để thu mua sò huyết giống. Khi thấy vỏ của N chạy đến, T, Ng, Tr, K sợ bị thu mua ép giá nên xô vỏ ra và chạy về Cái Đôi Vàm, còn M chưa chạy kịp. N kêu T cặp vào vỏ của M, N hỏi M “sò bán không?”, M nói “bán nhưng đã bán cho anh Tuấn móm rồi, giá 8.000.000 đồng”, N nói “bán cho tao đi, tao mua sát giá cho”, M không nói gì. Đ xem sò và báo giá 2.500.000 đồng. M không đồng ý bán và nói “5.000.000 đồng mới bán”, N nói tiếp “cho mày thêm 500.000 đồng là 3.000.000 đồng, bán hay không, không bán thì về dưới mà chạy”. M sợ nên không dám nói gì. N cùng với một người trên vỏ của N (không xác định được danh tính) lấy hết 10 kg sò huyết giống trên vỏ của M đổ qua vỏ của N, N lấy 3.000.000 đồng đưa cho M, M đang chần chừ thì N tiếp tục nói “không lấy 3.000.000 đồng là không có đồng nào luôn”, nghe N nói vậy M cầm tiền, còn N cùng những người trên vỏ chạy đi.

Ngày 27 tháng 3 năm 2018, Trần Văn M có đơn tố cáo đến Công an huyện Trần Văn Thời. Qua làm việc, Trương Bé N thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại bản kết luận định giá số 35/BBKL ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Hội đồng định giá Ủy Ban nhân dân huyện Trần Văn Thời, kết luận: 10kg sò huyết loại 40-50 vạn con/1kg, trị giá 13.000.000 đồng.

Quá trình điều tra, Trần Thị T là vợ của N đã bồi thường thiệt hại cho Trần Văn M số tiền 5.000.000 đồng. M không yêu cầu gì về trách nhiệm bồi thường.

Vật chứng thu giữ tại nhà Trương Bé N gồm có: 01 dụng cụ đo độ mặn, 01 cây ná (nạn thun), 01 đĩa nhựa màu Tr, 01 chai nhựa chứa 54 viên bi, 01 đoạn gỗ tròn dài 54 cm, đường kính 10cm, 01 đoạn gỗ tròn dài 61 cm, đường kính đầu lớn 12cm, đầu nhỏ 09cm, 01 đoạn ống kim loại màu Tr tròn 63 cm, đường kính 09 cm, 01 đoạn ống kim loại màu Tr tròn 58 cm, đường kính 09 cm, 01 đoạn kim loại dài 55 cm, tròn, đường kính 5cm, 01 đầu có gắn 01 lưỡi dao bằng kim loại màu Tr dài 07cm; 01 hộp nhựa được niêm phong (đánh số 1), 01 hộp nhựa được niêm phong đánh số 2; 01 gói giấy được niêm phong đánh số 3.

Tại bản cáo trạng số 83/CT-VKS ngày 07 tháng 8 năm 2018 của Viện kiểm sát Nh dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau truy tố Trương Bé N về tội "Cưỡng đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời giữ Ng cáo trạng truy tố bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: khoản 1 Điều 170; điểm b, s, x, v khoản 1, 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Trương Minh N từ 06 tháng đến 01 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại và bị cáo đã thỏa thuận bồi thường xong nên không đặt ra xem xét.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu tiên hủy 01 dụng cụ đo độ mặn, 01 cây ná (nạn thun), 01 đĩa nhựa màu Tr, 01 chai nhựa chứa 54 viên bi, 01 đoạn gỗ tròn dài 54 cm, đường kính 10cm, 01 đoạn gỗ tròn dài 61 cm, đường kính đầu lớn 12cm, đầu nhỏ 09cm, 01 đoạn ống kim loại màu Tr tròn 63 cm, đường kính 09 cm, 01 đoạn ống kim loại màu Tr tròn 58 cm, đường kính 09 cm, 01 đoạn kim loại dài 55 cm, tròn, đường kính 5cm, 01 đầu có gắn 01 lưỡi dao bằng kim loại màu Tr dài 07cm; 01 hộp nhựa được niêm phong (đánh số 1), 01 hộp nhựa được niêm phong đánh số 2; 01 gói giấy được niêm phong đánh số 3.

Đối với Liên Văn B, Nguyễn Minh Đ, Liên Văn Đ, Liên Văn L, Trương Văn T cùng đi chung với N thu mua sò. Quá trình điều tra xác định việc N thực hiện cưỡng đoạt tài sản của Trần Văn M không có sự bàn bạc với B, Đ, Đ, L và T. Những người này không có vai trò đồng phạm với N nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý.

Đối với thanh niên cùng Trương Bé N lấy sò của M, quá trình điều tra không xác định được là ai nên Cơ quan điều tra tách ra, tiếp tục điều tra làm rõ, khi có căn cứ sẽ xử lý sau.

Ý kiến của bị cáo: Thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố và thống nhất với luận tội của Kiểm sát viên.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Trần Văn Thời, Điều tra viên, Viện kiểm sát Nh dân huyện Trần Văn Thời, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cũng như người bị

hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện điều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án. Có căn cứ xác định: Ngày 01 tháng 6 năm 2017, Trương Bé N đã dùng lời lẽ đe dọa, uy hiếp tinh thần của Trần Văn M để ép M bán 10 kg sò huyết giống (loại từ 40 vạn đến 50 vạn con/1kg) cho N với giá 3.000.000 đồng. Theo kết luận định giá 10kg sò huyết loại 40-50 vạn con/1kg, trị giá 13.000.000 đồng, bị cáo chiếm đoạt 10.000.000 đồng. Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp nên đã phạm vào tội "Cưỡng đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 135 của Bộ luật Hình năm 1999. Theo Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc hội thì hành vi phạm tội của bị cáo được áp dụng theo khoản 1 Điều 170 Bộ luật Hình sự năm 2015 (có lợi cho bị cáo).

[3] Hành vi của bị cáo Trương Bé N là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người khác trái pháp luật, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự an toàn xã hội. Bản thân bị cáo biết rõ chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật hình sự nhưng vì mục đích lợi nhuận, bị cáo dùng lời lẽ đe dọa, uy hiếp tinh thần của bị hại để ép giá nhằm chiếm đoạt tài sản của bị hại. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần phải áp dụng mức hình phạt tương xứng với hành vi, mức độ phạm tội và hậu quả của bị cáo gây ra.

[4] Về tính tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo đã khắc phục hậu quả, bị hại có đơn bãi nại cho bị cáo; cha bị cáo là Trương Bá L được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhất; bản thân bị cáo được Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Khánh Hưng, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau tặng Giấy khen hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chữa cháy rừng năm 2002. Đây là những tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, s, x, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự đối với bị cáo.

[5] Mặc dù bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, tuy nhiên tình hình tội phạm trên biển đang diễn biến hết sức phức tạp, Đảng và Nhà nước ta đã có chủ trương kiên quyết đấu tranh phòng chống tội phạm và xử lý nghiêm trước pháp luật. Đặc biệt là các băng nhóm tội phạm có hành vi trộm cắp, cưỡng đoạt tài sản trên công sức lao động của ngư dân sống nghề làm biển, đã gây bức xúc trong dư luận Nhân dân. Do đó, Hội đồng xét xử cần phải áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo trong vụ án này để răn đe, phòng ngừa chung cho tòa xã hội.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo và bị hại đã thỏa thuận bồi thường xong. Bị hại không có yêu cầu gì thêm và từ chối nhận giấy triệu tập và Quyết định đưa vụ án ra xét xử của Tòa án nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra thu giữ tại nhà của bị cáo gồm: 01 dụng cụ đo độ mặn, 01 cây ná (nạn thun), 01 đĩa nhựa màu Tr, 01 chai nhựa chứa 54 viên bi, 01 đoạn gỗ tròn dài 54 cm, đường kính 10cm, 01 đoạn gỗ tròn dài 61 cm, đường kính đầu lớn 12cm, đầu nhỏ 09cm, 01 đoạn ống kim loại màu Tr tròn 63 cm, đường kính 09 cm, 01 đoạn ống kim loại màu Tr tròn 58 cm, đường kính 09 cm, 01 đoạn kim loại dài 55 cm, tròn, đường kính 5cm, 01 đầu có gắn 01 lưỡi dao bằng kim loại màu Tr dài 07cm; 01 hộp nhựa được niêm phong (đánh số 1), 01 hộp nhựa được niêm phong đánh số 2; 01 gói giấy được niêm phong đánh số 3. Xét thấy, những vật chứng này không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo. Tại phiên tòa, bị cáo không yêu cầu nhận lại nên tịch thu tiêu hủy là phù hợp.

[8] Đối với Liên Văn B, Liên Văn Đ, Liên Văn L, Nguyễn Minh Đ và Trương Văn T cùng đi chung với Trương Bé N thu mua sò huyết. Quá trình điều tra xác định N thực hiện cưỡng đoạt tài sản của Trần Văn M không có sự bàn bạc với B, Đ, L, Đ và T. Vì vậy, những người này không có vai trò đồng phạm với N trong vụ án nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý là có căn cứ.

[9] Đối với thanh niên cùng Trương Bé N lấy sò của M, quá trình điều tra không xác định được danh tính nên Cơ quan điều tra tách ra, tiếp tục điều tra làm rõ, khi có căn cứ sẽ xử lý sau là phù hợp.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Trương Bé N phạm tội "Cưỡng đoạt tài sản".

Áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm b, s, x, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Trương Bé N 09 (chín) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án, được trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 19-4-2018 đến ngày 21-4-2018 và từ ngày 24-4-2018 đến ngày 14-8-2018.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy 01 dụng cụ đo độ mặn, 01 cây ná (nạn thun), 01 đĩa nhựa màu Tr, 01 chai nhựa chứa 54 viên bi, 01 đoạn gỗ tròn dài 54 cm, đường kính 10cm, 01 đoạn gỗ tròn dài 61 cm, đường kính đầu lớn 12cm, đầu nhỏ 09cm, 01 đoạn ống kim loại màu Tr tròn 63 cm, đường kính 09 cm, 01 đoạn ống kim loại màu Tr tròn 58 cm, đường kính 09 cm, 01 đoạn kim loại dài 55 cm, tròn, đường

kính 5cm, 01 đầu có gắn 01 lưỡi dao bằng kim loại màu Tr dài 07cm; 01 hộp nhựa được niêm phong (đánh số 1), 01 hộp nhựa được niêm phong đánh số 2; 01 gói giấy được niêm phong đánh số 3

(Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời đang quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 08-8-2018).

4. Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo phải chịu 200.000 đồng.

Bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Phòng NV-GĐKT (gửi Email)
- VKSND huyện Trần Văn Thời (1b);
- CAND huyện Trần Văn Thời (3b);
- THADS huyện Trần Văn Thời (1b);
- Người bào chữa
- Bị cáo, bị hại;
- Lưu.

Thái Hoàng Đắc